

Vietnam Daily Review

Thị trường hồi phục trở lại

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/5/2022	•		
Tuần 9/5-13/5/2022	•		
Tháng 5/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Tiếp diễn kịch bản vừa mở cửa đã “rót dài” của ngày hôm qua, tuy nhiên phiên hôm nay đã khác khi bên mua vùng dậy mạnh mẽ, đấu tranh giành quyền kiểm soát. Sau một phiên sáng vất vả giằng co quanh khu vực 1250 – 1270, sang đến phiên chiều chỉ số đã mở đường thành công, tăng vọt lên đóng cửa tại ngưỡng kháng cự 1290, kết phiên tăng hơn 20 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 18/19 ngành tăng điểm; nhóm VN30 đóng cửa với 28 mã phủ sắc xanh. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên sàn HNX. Sau phiên tăng điểm mạnh ngày hôm nay, nhiều khả năng VN-Index sẽ gặp phải áp lực chốt lời sau đó. Trong những phiên tới, có khả năng thị trường sẽ dao động quanh ngưỡng 1270 – 1290.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên thận trọng các trong các giao dịch HĐTL.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/05/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp hồi cuối phiên của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+23.94** điểm, đóng cửa **1293.56** điểm. HNX-Index **+6.63** điểm, đóng cửa **330.02** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.52)**, **VHM (+2.09)**, **BID (+1.75)**, **VPB (+1.72)**, **GAS (+1.51)**.
- Kéo chỉ số giảm: **DPM (-0.37)**, **PGV (-0.28)**, **DCM (-0.28)**, **OCB(-0.28)**, **VIB (-0.23)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 16.097 tỷ đồng, giảm **6.10%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17.789 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 60.99 điểm. Thị trường có **280** mã tăng, 43 mã tham chiếu và **168** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **714.70** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DGC (105.03 tỷ)**, **STB (69.52 tỷ)**, **HPG (62.16 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-4.10** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1293.56**
Giá trị: 16096.71 tỷ **23.94 (1.89%)**
Khối ngoại (ròng): 574.24 tỷ

HNX-INDEX **330.02**
Giá trị: 1439.58 tỷ **6.63 (2.05%)**
Khối ngoại (ròng): 15.8 tỷ

UPCOM-INDEX **99.06**
Giá trị: 675.87 tỷ **2.56 (2.65%)**
Khối ngoại(ròng): 33.7 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	103.9	0.74%
Giá vàng	1,864	0.51%
Tỷ giá USD/VND	22,947	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	24,262	0.32%
Tỷ giá JPY/VND	17,643	0.84%
LS liên NH 1 tháng	2.2%	4.27%
LS TPCP 5 năm	2.4%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	93.9	NVL	-38.5
HPG	63.8	VCB	-20.1
GMD	60.6	GEX	-17.0
VRE	50.3	SBT	-10.9
DGC	49.0	STB	-10.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 10/05

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	103.09	-6.09%	-1.98%	9.76%	58.80%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	105.06	-6.52%	-2.34%	6.91%	53.78%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.62	-3.76%	3.07%	21.03%	69.58%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1853.67	-1.56%	-0.49%	-5.11%	0.99%		PNJ
Bạc	USD/ounce	21.79	-2.46%	-3.71%	-13.10%	-20.21%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1621.00	-2.08%	-3.17%	-2.07%	0.06%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1092.75	-1.42%	3.53%	0.34%	47.82%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.71	-1.20%	1.31%	2.07%	31.02%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	247.10	-0.28%	-0.68%	-8.14%	-5.47%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.62	-2.82%	-1.22%	-8.32%	6.46%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	3.10	0.00%	0.00%	12.32%	6.53%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	204.80	-3.21%	-5.36%	-13.44%	38.05%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.19	-1.61%	-1.47%	-9.52%	-11.42%	HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	5107.00	-0.99%	-1.96%	2.04%	-11.03%		
Nhôm	USD/ton	2758.00	-3.13%	-5.26%	-15.09%	9.76%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	136.00	-4.23%	-4.23%	-10.23%	-34.30%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	374.00	-1.45%	24.75%	28.08%	283.20%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Brent giảm 6.45 USD hay 5.7% xuống 105.94 USD/thùng. Dầu WTI giảm 6.68 USD hay 6.1% xuống 103.09 USD/thùng. Cả hai loại dầu này đã tăng khoảng 35% từ đầu năm tới nay.
- Giá dầu giảm khoảng 6% cùng với chứng khoán do việc tiếp tục phong tỏa tại Trung Quốc, nước nhập khẩu dầu hàng đầu thế giới, làm dấy lên lo lắng về triển vọng nhu cầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 1.4% xuống 1,856.26 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 6 đóng cửa giảm 1.3% xuống 1,858.6 USD/ounce.
- Giá vàng giảm hơn 1% do USD gần mức cao nhất trong hai thập kỷ làm giảm sức hấp dẫn của vàng.

Giá sắt thép

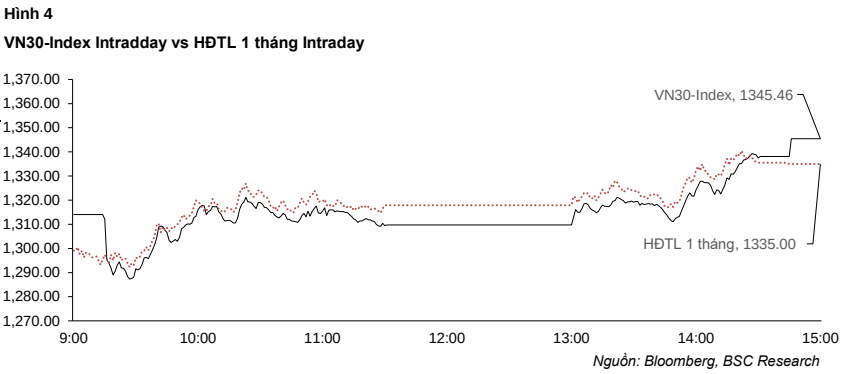
- Quặng sắt của Trung Quốc giảm khoảng 7%, giảm phiên thứ hai liên tiếp và giá thép giảm gần 4%, bởi những hạn chế về Covid-19 khiến các thương nhân thận trọng và lo ngại về nhu cầu toàn cầu.
- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên có lúc giảm khoảng 7% xuống 796 CNY (118.45 USD)/tấn, đóng cửa giảm 5.8% xuống 807 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 7 đóng cửa giảm 0.5 US cent hay 2.6% xuống 18.66 US cent/lb.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 đóng cửa giảm 4.35 US cent hay 2.1% xuống 2.061 USD/lb sau khi giảm xuống mức thấp nhất 6 tháng tại 2.0335 USD/lb.

	10/5	% 10/5	9/5	% 9/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1293.56	1.89%	1269.62	-4.49%	-5.36%	-14.90%
S&P 500			3991.24	-3.20%	-3.95%	-10.93%
HĐTL S&P500	4030.25	1.07%	3987.50	-3.20%	-3.33%	-10.36%
Shang- hai	3035.84	1.06%	3004.14	0.09%	2.03%	-7.52%
Euro Stoxx	3577.94	1.45%	3526.86	-2.82%	-4.87%	-6.45%

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2205	1335.00	2.06%	-10.46	10.0%	361,497	5/19/2022	11
VN30F2206	1331.60	1.64%	-13.86	-32.4%	1,121	6/16/2022	39
VN30F2209	1338.00	1.17%	-7.46	-35.5%	71	9/15/2022	130
VN30F2212	1332.70	2.04%	-12.76	41.1%	206	12/15/2022	221

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 31.42 điểm lên 1345.46 điểm. Các cổ phiếu ngân hàng như VPB, FPT, HPG, VHM, MWG đã tác động tích cực đến vận động của VN30. VN30 hồi phục khá tốt trong phiên giao dịch hôm nay, thanh khoản hồi phục trở lại cho thấy tín hiệu dòng tiền bắt đáy ở nhóm này. Tuy nhiên, thị trường vẫn sẽ phải chờ thêm 1,2 phiên để xác định xu hướng.
- Các HDTL đều tăng theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, cân bằng khi các HĐ VN30F2205 và VN30F2212 tăng, VN30F2216 và VN30F2209 giảm nhẹ. Xét về vị thế mở, các HĐ VN30F2205 và VN30F2212 tăng, các HĐ còn lại biến động không đáng kể. Khuyến nghị các nhà đầu tư giao dịch thận trọng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTPB2202	7/18/2022	69	20:1	389,100	40.46%	3,700	460	70.37%	21	21.47	67,800	45,000	33,300
CFPT2201	9/20/2022	133	5:1	517,800	24.10%	2,100	1,300	35.42%	1,252	1.04	118,800	106,000	98,400
CPNJ2201	9/20/2022	133	8:1	87,100	33.93%	2,300	2,220	16.23%	2,335	0.95	97,900	95,500	103,000
CFPT2108	7/6/2022	57	6:1	48,700	24.10%	3,280	1,440	16.13%	561	2.57	109,835	106,835	98,400
CVPB2201	9/20/2022	133	5:1	68,800	31.25%	1,300	1,120	15.46%	458	2.45	38,200	37,000	33,300
CFPT2203	8/1/2022	83	10:1	1,079,300	24.10%	3,800	3,680	13.23%	1,176	3.13	102,500	95,000	98,400
CVPB2204	11/15/2022	189	8:1	16,900	31.25%	1,000	820	12.33%	798	1.03	45,768	30,888	33,300
CVPB2203	7/15/2022	66	5:1	14,700	31.25%	1,000	640	12.28%	1,400	0.46	37,638	28,888	33,300
CFPT2202	6/24/2022	45	8:1	375,600	24.10%	1,700	1,450	11.54%	1,952	0.74	101,540	89,700	98,400
CPOW2201	7/15/2022	66	8:1	71,700	48.35%	1,000	270	8.00%	51	5.29	20,586	16,666	13,300
CHDB2201	9/21/2022	134	8:1	15,100	36.35%	1,500	450	7.14%	81	5.59	37,959	30,999	24,050
CHPG2204	6/24/2022	45	5:1	79,700	30.74%	1,900	660	6.45%	193	3.43	54,500	44,500	41,100
CPNJ2110	5/24/2022	14	4.96:1	118,100	33.93%	2,000	250	4.17%	362	0.69	119,490	113,000	103,000
CVHM2204	8/1/2022	83	20:1	487,800	26.84%	2,700	550	1.85%	22	25.23	106,000	82,000	69,900
CVIC2202	8/15/2022	97	20:1	415,800	27.48%	1,100	700	1.45%	198	3.54	84,022	82,222	80,400
CMBB2201	9/20/2022	133	9.98:1	82,900	29.10%	2,700	1,970	-1.50%	202	9.76	59,440	29,500	27,050
CNVL2202	8/15/2022	97	15.2:1	93,300	22.80%	1,000	620	-1.59%	325	1.91	112,223	79,999	79,000
CFPT2111	5/24/2022	14	8:1	106,500	24.10%	1,990	400	-9.09%	165	2.42	107,680	106,000	98,400
CMWG2202	8/1/2022	83	12:1	554,500	27.59%	4,000	1,800	-12.20%	914	1.97	239,800	145,000	140,100
CMWG2113	5/24/2022	14	10:1	160,400	27.59%	2,250	120	-25.00%	133	0.90	229,600	113,000	140,100
Tổng				4,394,700	29.52%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 10/05/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp hồi cuối phiên của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CTPB2201 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 128.43% và 70.37%. Giá trị giao dịch tiếp tục giảm -20.66% CVRE2113 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.12% thị trường.
- CPOW2202, CPNJ2201, CSTB2201, và CVPB2203 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2201, CMBB2109, CVRE2113, và CHPG2206 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2201, CFPT2202, và CPNJ2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	140.1	2.7%	0.5	4,459	10.8	7,030	19.9	4.6	49.0%	25.8%	
PNJ	Bán lẻ	103.0	3.9%	0.6	1,085	2.8	5,443	18.9	3.1	52.2%	18.0%	
BVH	Bảo hiểm	60.0	1.0%	1.3	1,936	4.6	2,557	23.5	2.1	26.4%	9.0%	
PVI	Bảo hiểm	50.5	3.1%	0.5	514	0.2	3,644	13.9	1.5	58.1%	11.1%	
VIC	Bất động sản	80.4	1.6%	0.6	13,332	9.0	(578)	#N/A	2.9	12.6%	-2.4%	
VRE	Bất động sản	28.1	-0.4%	1.1	2,776	5.1	401	70.1	2.1	30.8%	3.0%	
VHM	Bất động sản	69.9	2.8%	1.0	13,233	12.8	8,786	8.0	2.4	23.3%	34.5%	
DXG	Bất động sản	30.4	0.3%	1.5	803	16.9	1,503	20.2	2.0	31.4%	11.3%	
SSI	Chứng khoán	27.9	3.9%	1.7	1,204	18.2	3,023	9.2	1.9	37.1%	22.6%	
VCI	Chứng khoán	35.2	1.7%	1.0	510	5.3	4,884	7.2	1.6	18.7%	26.9%	
HCM	Chứng khoán	22.8	5.1%	1.6	453	4.4	2,619	8.7	1.4	42.4%	17.9%	
FPT	Công nghệ	98.4	4.7%	1.0	3,883	11.7	5,152	19.1	4.7	49.0%	26.1%	
FOX	Công nghệ	70.2	-5.1%	0.4	1,002	0.0	4,926	14.3	3.8	0.0%	30.2%	
GAS	Dầu khí	108.0	3.0%	1.1	8,987	2.9	5,109	21.1	3.8	2.9%	19.2%	
PLX	Dầu khí	42.7	0.2%	1.5	2,359	2.2	1,950	21.9	2.1	17.3%	9.9%	
PVS	Dầu khí	24.2	10.0%	1.8	503	10.7	1,408	17.2	1.0	8.7%	5.5%	
BSR	Dầu khí	20.6	2.0%	0.8	2,777	4.9	2,108	9.8	1.7	41.1%	19.1%	
DHG	Dược	97.4	0.0%	0.2	554	0.1	6,105	16.0	3.6	54.2%	21.8%	
DPM	Hóa chất	55.2	-6.9%	1.0	939	22.9	12,920	4.3	1.8	12.3%	50.2%	
DCM	Hóa chất	31.0	-6.9%	1.0	714	11.6	5,643	5.5	1.8	7.5%	38.9%	
VCB	Ngân hàng	80.0	2.7%	0.9	16,461	3.2	4,855	16.5	3.2	23.6%	21.1%	
BID	Ngân hàng	35.8	3.9%	1.2	7,874	2.6	2,266	15.8	2.1	16.8%	13.8%	
CTG	Ngân hàng	25.2	0.2%	1.6	5,265	7.0	2,558	9.9	1.2	25.8%	13.0%	
VPB	Ngân hàng	33.3	4.7%	1.2	6,436	21.2	3,874	8.6	1.7	17.5%	24.0%	
MBB	Ngân hàng	27.1	3.2%	1.2	4,444	12.4	3,623	7.5	1.6	23.2%	23.7%	
ACB	Ngân hàng	30.8	0.7%	1.1	3,618	5.1	3,852	8.0	1.7	30.0%	24.2%	
BMP	Nhựa	56.6	2.0%	0.6	201	0.1	3,150	18.0	1.9	85.6%	10.7%	
NTP	Nhựa	50.4	1.2%	0.4	258	0.1	3,990	12.6	2.1	17.9%	16.9%	
MSR	Tài nguyên	22.4	4.2%	1.3	1,070	0.6	178	125.8	1.7	10.1%	1.4%	
HPG	Thép	41.1	2.9%	1.1	7,993	33.6	7,443	5.5	1.9	21.6%	40.4%	
HSG	Thép	24.6	1.7%	1.5	528	6.3	7,157	3.4	1.1	6.7%	35.8%	
VNM	Tiêu dùng	70.6	0.9%	0.6	6,415	9.6	4,390	16.1	4.6	54.3%	28.9%	
SAB	Tiêu dùng	164.9	3.0%	0.8	4,598	1.0	5,969	27.6	4.9	62.7%	19.0%	
MSN	Tiêu dùng	116.1	1.0%	0.9	7,151	5.4	7,041	16.5	6.0	28.6%	45.7%	
SBT	Tiêu dùng	16.5	-4.3%	1.4	451	2.0	1,144	14.4	1.2	8.5%	8.3%	
ACV	Vận tải	89.1	4.6%	0.8	8,433	0.3	363	245.6	5.2	3.8%	1.3%	
VJC	Vận tải	129.1	4.1%	1.1	3,040	3.4	361	357.2	4.1	16.8%	1.2%	
HVN	Vận tải	20.1	2.8%	1.7	1,935	0.8	(6,783)	N/A	N/A	29.9	6.1%	-331.6%
GMD	Vận tải	55.0	2.8%	1.0	721	4.0	2,256	24.4	2.5	44.2%	10.8%	
PVT	Vận tải	18.7	4.2%	1.4	263	2.8	2,088	9.0	1.1	11.1%	13.0%	
VCS	Vật liệu xây dựng	87.0	0.9%	0.7	605	0.7	10,540	8.3	2.7	3.3%	37.5%	
VGC	Vật liệu xây dựng	41.3	-1.8%	0.5	805	2.6	3,677	11.2	2.4	4.6%	22.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	17.6	1.4%	0.9	291	0.7	783	22.4	1.3	2.0%	5.6%	
CTD	Xây dựng	48.8	-2.0%	1.2	157	1.9	(27)	N/A	N/A	0.4	45.7%	0.0%
CII	Xây dựng	19.2	0.0%	1.3	210	4.8	1,266	15.2	0.9	10.7%	6.1%	
REE	Điện	86.6	6.9%	-1.4	1,164	4.8	6,893	12.6	2.0	49.0%	16.7%	
PC1	Điện	37.0	1.2%	-0.4	378	1.8	3,238	11.4	1.8	5.1%	16.9%	
POW	Điện	13.3	2.7%	0.6	1,354	6.2	859	15.5	1.1	2.1%	6.9%	
NT2	Điện	21.7	3.3%	0.6	271	0.4	1,933	11.2	1.4	13.7%	13.1%	
KBC	Khu công nghiệp	40.2	0.4%	1.5	1,005	5.9	1,154	34.8	1.6	18.7%	5.3%	
BCM	Khu công nghiệp	80.1	7%	0.9	3,605	1.4	1,190	67.3	5.0	2.7%	8.4%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	80.00	2.70	2.53	926000
VHM	69.90	2.79	2.11	4.35MLN
BID	35.80	3.92	1.74	1.73MLN
VPB	33.30	4.72	1.72	15.09MLN
GAS	108.00	2.96	1.51	645200

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
DPM	-0.01	-0.41	9.50MLN	1.11MLN
DCM	-0.01	-0.31	8.54MLN	607060
PGV	0.00	-0.30	56700	373600
OCB	0.00	-0.30	1.51MLN	192700
VIB	0.00	-0.24	1.15MLN	611640

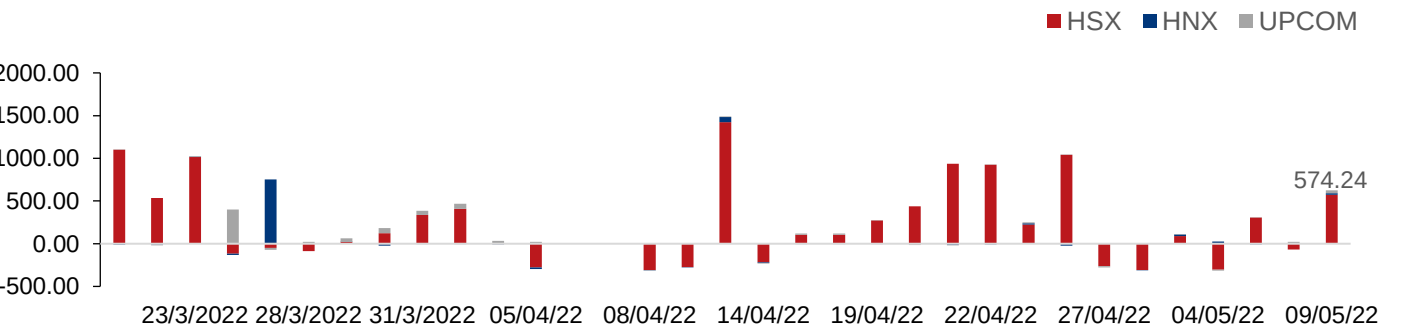
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCG	19.90	6.99	0.15	5.91MLN
CMX	19.90	6.99	0.03	1.63MLN
ITA	11.50	6.98	0.18	9.14MLN
ANV	48.40	6.96	0.10	1.52MLN
BCM	80.10	6.94	1.37	418500

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHA	31.35	-6.97	-0.03	326000
HUB	29.45	-6.95	-0.01	146600
TTF	9.91	-6.95	-0.06	7.10MLN
CVT	43.65	-6.93	-0.03	200
DPM	55.20	-6.91	-0.41	9.50MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	98.4	5,152	19.1	4.7	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	30.0	2,466	12.2	1.9	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	32.1	11,559	2.8	1.1	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.3	859	15.5	1.1	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	103.0	5,443	18.9	3.1	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	140.1	7,030	19.9	4.6	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	18.7	2,088	9.0	1.1	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	212.0	18,902	11.2	5.0	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	41.1	7,443	5.5	1.9	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	40.2	1,154	34.8	1.6	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	32.5	5,084	6.4	2.1	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	30.4	1,503	20.2	2.0	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	117.0	8,596	13.6	5.2	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	48.4	2,136	22.7	2.4	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	30.8	2,917	10.6	2.0	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	102.0	8,331	12.2	2.9	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	35.0	1,941	18.0	1.6	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	50.5	3,644	13.9	1.5	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	24.2	1,408	17.2	1.0	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	108.0	5,109	21.1	3.8	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	21.6	3,141	6.9	1.4	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	48.8	-27	#N/A N/A	0.4	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.2	1,701	8.9	0.6	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.4	1,350	9.2	0.6	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.4	1,350	9.2	0.6	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	16.3	2,433	6.7	1.3	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	103.0	5,443	18.9	3.1	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	103.0	5,443	18.9	3.1	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	140.1	7,030	19.9	4.6	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	50.6	2,762	18.3	3.6	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	48.8	1,900	25.7	2.1	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	20.6	2,108	9.8	1.7	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	18.0	1,034	17.4	1.1	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	102.0	8,331	12.2	2.9	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	33.5	2,916	11.5	1.8	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	13.2	689	19.2	1.0	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	24.9	2,054	12.1	1.2	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	51.4	3019.9	17.0	2.1	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	21.7	1,933	11.2	1.4	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	108.0	5,109	21.1	3.8	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	32.1	11,559	2.8	1.1	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	43.4	1,878	23.1	2.7	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	70.6	4,390	16.1	4.6	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	98.4	5,152	19.1	4.7	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	28.1	401	70.1	2.1	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	212.0	18,902	11.2	5.0	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	39.0	6,244	6.2	1.3	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
6	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
9	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
11	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
12	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
14	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
15	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
16	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
18	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
21	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
24	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
29	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
31	Banking Sector Outlook		x	Click
32	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
34	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
35	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
36	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
37	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
38	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
39	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
40	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
41	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
42	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
43	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
44	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639